NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

HỘI THOẠI TRỰC TIẾP TRONG TRUYỆN NGẮN "*TƯỚNG VỀ HƯU*" CỦA NGUYỄN HUY THIỆP

HOÀNG THỊ THANH HUYỀN
(Khoa Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội 2)

1. Vài nét về hội thoại trong tác phẩm văn học

1.1. Hội thoại là hoạt động diễn ra thường xuyên và căn bản nhất của sự hành chức ngôn ngữ. Hội thoại đi vào tác phẩm văn học và trở thành một trong những nhân tố cấu thành tác phẩm. Trong tác phẩm, các nhân vật văn học một mặt được thể hiện tâm lí, tính cách, đặc điểm... thông qua lời miêu tả của tác giả, một mặt được thể hiện thông qua cách giao tiếp trực tiếp, tức qua hội thoại của nhân vật với nhân vật. Qua lời nói, nhân vật có thể bộc lộ tâm lí, tính cách một cách rõ ràng nhất. Khó hình dung nổi trong một tác phẩm truyện hoặc tiểu thuyết thiếu vắng lời ăn tiếng nói của nhân vật. Tác phẩm không có đối thoại, không có giao tiếp thì có nghĩa là không tồn tại "truyện" nữa. Vì thế, "*hội thoại vẫn thường là một kĩ thuật quan trọng để đặc tả nhân vật và được dùng thường xuyên trong tác phẩm*". [2; 86]

1.2. Ở tác phẩm văn học, lời thoại là của nhân vật, nhưng nó được xây dựng thông qua sự "tưởng tượng" của người viết nên phần nào đó mang tính hư cấu: "*Việc sử dụng các dạng lời khác nhau trong tác phẩm văn học hoàn toàn theo ý đồ nghệ thuật của tác giả. Ở đây, lời tác giả, lời của người kể chuyện, người tường thuật, người thuyết minh đối lập với lời của các nhân vật. Những lời thoại, những câu chuyện mà họ trao đổi trong cuộc sống ở tác phẩm nghệ thuật là do tác giả tưởng tượng ra*" [1]. Mặc dù vậy, những lời thoại tưởng tượng đó vẫn phải dựa trên những hình thức tự nhiên vốn có của lời thoại thực sự và việc dẫn lại những lời thoại này vẫn phải tuân theo những quy tắc hội thoại nói chung.

1.3. Theo cách hiểu thông thường thì lời của nhân vật thường chỉ được dẫn lại dưới hai hình thức chủ yếu: *trực tiếp* và *gián tiếp*. Tuy nhiên, trong thực tế hội thoại ở tác phẩm văn học còn thể hiện tính chất phức tạp hơn nhiều so với hội thoại thực tế đời sống. Theo GS.Đỗ Hữu Châu, vấn đề hội thoại trong tác phẩm văn học, đặc biệt là vai trò của nó trong cấu trúc kĩ thuật của tác phẩm có hai kiểu hội thoại chính là *hội thoại ngầm* (hội thoại nội tâm) và *hội thoại hiện* (hội thoại có nhân vật hội thoại xuất hiện). Trong đó, *hội thoại hiện* tiếp tục chia thành ba loại theo những hình thức khác nhau là: *hội thoại trực tiếp* (lời thoại của nhân vật được tác giả dẫn lại một cách nguyên vẹn, không sửa đổi), *hội thoại gián tiếp* (người dẫn điều chỉnh lời hay ý của người nói ra chúng theo kiểu là người ở ngôi thứ ba thuật lại) và *hội thoại nửa trực tiếp* (pha trộn giữa hai hình thức trực tiếp và gián tiếp).

2. Hội thoại trực tiếp trong truyện ngắn "Tướng về hưu"

"*Tướng về hưu*" là một câu chuyện liên quan chủ yếu tới năm nhân vật sống trong cùng một gia đình: Thiếu tướng Nguyễn Thuấn, Thuần – con trai ông (đồng thời cùng là người kể chuyện trong tác phẩm), Thuỷ – vợ Thuần và hai cha con người giúp việc: ông Cơ và cô Lài. Truyện không có gì đặc biệt, gần như không có cốt truyện. Nó giống như một sự "chắp vá" các sự việc trong gia đình diễn ra một cách lộn xộn theo sự hồi tưởng của nhân vật tôi – Thuần – người kể chuyện. Tuy nhiên, truyện đã đem lại một sức cuốn hút không nhỏ cho độc giả bởi chính cái lối viết lạ, cách hành văn cũng lạ: câu văn ngắn, lời dẫn thoại và ngôn ngữ đối thoại được đan xen, trộn lẫn, xếp đặt cạnh nhau, tạo nên mạch văn gấp gáp, dứt khoát, dồn đuổi. Điều này đã tạo nên một lực

hấp dẫn làm người đọc vừa như say mê, vừa như khó chịu.

2.1. Cách thức dẫn thoại

2.2.1. Đi vào tác phẩm văn học, theo truyền thống, đối thoại được tác giả - người kể chuyện thực hiện. Dấu hiệu hình thức để nhận ra đối thoại là có lời dẫn về tên người nói, đầu các câu thoại có gạch ngang đầu dòng và khi hết lời thì xuống dòng, chuyển sang lời người khác. Dấu hiệu này cũng là ranh giới của sự phân chia giữa lời tác giả với lời nhân vật.

2.1.2. Trong "*Tướng về hưu*", các trang viết đều xuất hiện đối thoại, song bỏ qua cách thức dẫn thoại truyền thống, tác giả để cho lời thoại nhân vật nằm liền sau lời dẫn của mình, không xuống dòng, kéo gạch mà dùng dấu hai chấm, dấu ngoặc kép để tách biệt lời dẫn thoại với lời thoại được dẫn.

Ví dụ:

(1) *Tôi quay lại đoạn kể cha con tôi bàn việc gia đình. Cha tôi bảo: "Nghỉ rồi, cha làm gì?". Tôi bảo: "Viết hồi kí". Cha tôi bảo: "Không". Vợ tôi bảo: "Cha nuôi vẹt xem". Trên phố dạo này nhiều người nuôi chim hoạ mi, chim vẹt. Cha tôi bảo: "Kiếm tiền à?". Vợ tôi không trả lời. Cha tôi bảo: "Để xem đã"*.

Đây là một đoạn thoại giữa ba nhân vật. Nhìn vào hình thức, người đọc dễ dành nhận ra lối viết pha trộn, đan xen giữa lời dẫn với lời thoại, lời được dẫn được đặt trong dấu trích dẫn và trở thành một bộ phận của câu. Cách viết này có thể coi là một thủ pháp nghệ thuật quan trọng của Nguyễn Huy Thiệp trong việc xây dựng tác phẩm, nhằm làm cho người đọc bị phân tán bởi các lời dẫn, làm triệt tiêu đi sự tương tác giữa các nhân vật, làm lỏng lẻo sự gắn kết về ngữ nghĩa và ngữ dụng của các lời thoại.

2.1.3. Xuyên suốt tác phẩm là kiểu dẫn trực tiếp một lượt lời. Mỗi lượt lời nhân vật, tác giả đều thể hiện vai trò của mình thông qua lời dẫn thoại. Đây cũng có thể coi là một kĩ năng trình bày để bóp nghẹt đối thoại. Với cách dẫn này, có thể thấy, tác giả giống như một người điều khiển, một "trọng tài", giật dây cho các nhân vật hành động. Điều này có tác dụng làm cho tác giả luôn ở thế chủ động, thuận lợi trong việc dẫn dắt, phát triển cốt truyện.

2.2. Lời dẫn thoại trực tiếp – lời tác giả:

2.2.1. Theo truyền thống, trong tác phẩm văn học, lời dẫn bao giờ cũng định hướng cách hiểu lời được dẫn cho người đọc. Lời dẫn có tác dụng báo hiệu về tên người nói, cách thức nói, thậm chí còn miêu tả thái độ, cử chỉ, hành động, ngữ điệu... của nhân vật trong khi nói.

Ví dụ:

(2) "*Ông lão hít một hơi thuốc lào nữa, gật gù cái đầu: "Hừ, đánh nhau cứ đánh, cày cấy cứ cày cấy, tản cư cứ tản cư... Hay đáo để*"

- Này, bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rát thế không?

Một người đàn bà cho con bú mé bên kia nói xen vào:

- Nó rút ở Bắc Ninh về qua Chợ Dầu , nó khủng bố ông ạ.

Ông Hai quay phắt lại lắp bắp hỏi:

- Nó... nó vào làng Chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?

Người đàn bà ẵm con cong môi lên đỏng đảnh:

- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó theo Việt gian theo Tây còn giết gì nữa!"

(Kim Lân – Làng)

(Những chỗ gạch dưới là của chúng tôi, để lưu ý đến những thông tin đi kèm trong lời dẫn theo kiểu truyền thống)

Xét một cách cụ thể thì trong nhiều trường hợp những lời dẫn theo cách này lại tỏ ra có vai trò thiết yếu hơn bản thân những lời đối thoại trực tiếp của nhân vật. Nó khiến cho nhân vật hội thoại hiện lên trước mắt người đọc (từ tư thế đến thái độ, cách nói năng...) một cách cụ thể, sinh động.

2.2.2. Kết quả khảo sát hội thoại trực tiếp trong truyện ngắn "*Tướng về hưu*" cho thấy: ở đa số trường hợp các lời dẫn, Nguyễn Huy Thiệp không hề đưa ra một lời bình luận, đánh giá, nhận xét nào về nhân vật hội thoại, về ngữ cảnh hội thoại hay miêu tả thái độ, cử chỉ, cách nói năng mà chỉ dẫn bằng một câu mang tính ngắn gọn, đủ đạt đến nội dung thông báo. Đây là những lời dẫn có cấu trúc cú pháp đơn giản, theo kiểu chuẩn mực, phổ thông: câu đơn có hai thành phần, gồm một chủ ngữ và một vị ngữ. Trong đó chủ ngữ là lời giới thiệu về tên người nói, ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, số ít (*cha tôi, vợ tôi, tôi...*) còn vị ngữ là một động từ nói năng (*bảo, nói, hỏi...*). Cấu trúc của lời dẫn

này được lặp đi lặp lại nhiều lần trong tác phẩm. Cụ thể: trong tổng số 178 lời dẫn thì có tới 112 lời dẫn theo kiểu này, chiếm 62,9%.

Ví dụ:

(3) *Cha tôi bảo: "Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục. Tâm càng lớn, càng nhục"*.

(4) *Ông Bổng bảo: "Bao giờ tôi chết, đô tuỳ của tôi toàn dân cờ bạc, cỗ không thịt lợn mà thịt chó"*.

(5) *Vợ tôi bảo: "Tại chú quen đấy. Ở nơi khác cũng thế, họ lại thấy yêu Hà Nội"*.

"Cha tôi bảo", *"ông Bổng bảo"*, *"vợ tôi bảo"* ở các ví dụ trên là những lời dẫn được cấu tạo theo kiểu cấu trúc câu đơn hai thành phần, người nói được định vị ở ngôi thứ ba. Dễ nhận ra, Nguyễn Huy Thiệp trong lời dẫn của mình đã không đi theo cách dẫn thoại truyền thống (như đã phân tích ở trên) mà đi thẳng vào vấn đề. Lời dẫn ở Nguyễn Huy Thiệp chỉ thu gọn lại ở bộ phận nòng cốt, đạt đến độ cô đọng tuyệt đối, làm cho câu văn không thừa một chỗ, chỉ đủ để nêu sự vật, sự kiện. Người đọc, ngoài việc nắm bắt nội dung các lời thoại thì gần như không có thông tin hay sự hình dung nào về thái độ, nét mặt, cử chỉ của nhân vật hội thoại.

2.2.3. Đôi chỗ trong tác phẩm, tác giả còn sử dụng lời dẫn dưới dạng câu tỉnh lược.

Ví dụ:

(6) *Lại hỏi: "Chị ơi, chị có nhận ra em không?". Lại hỏi: "Thế em là ai?"*

"Lại hỏi" là dạng câu tỉnh lược thành phần chủ ngữ (chủ ngữ được tỉnh lược là *ông Bổng*). Theo cách này, Nguyễn Huy Thiệp làm cho câu văn của mình càng như bị "bẻ vụn" đi để làm tăng lên độ cô đúc, bật lên lõi nội dung thông tin. Điều này, vừa tạo nên giọng điệu lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người kể chuyện, vừa tạo ra khoảng cách giữa người kể với nhân vật hội thoại.

2.2.4. Ngoài ra, trong một vài trường hợp, tác giả còn dùng thủ pháp tách biệt, tách một lượt lời của nhân vật ra làm hai bằng cách xen vào đó lời dẫn thoại.

Ví dụ:

(7) *ông Bổng sang thăm. Ông nói: "Bà ấy cứ xoay ngang xoay dọc trên giường như thế này là gay go đấy!. Lại hỏi: "Chị ơi, chị có nhận ra em không?"*

Xét trong ngữ cảnh hội thoại thì: *"Bà ấy... gay go đấy! Chị ơi... nhận ra em không?"* thực chất là nằm trong một lượt lời của ông Bổng. Theo thường lệ, mỗi lời dẫn được sử dụng để dẫn cho ít nhất là một lượt lời của nhân vật. Song, ở đây Nguyễn Huy Thiệp đã tách nó làm hai, làm cho câu văn bị đứt ra thành từng khúc đoạn, giống như những lát cắt được xếp đặt cách quãng, không cùng một khối. Người đọc có cảm giác tác giả đang xen vào giữa các nhân vật hội thoại để "giật dây", dẫn dắt nhân vật hội thoại hành động.

2.3. Lời được dẫn trực tiếp – lời nhân vật

2.3.1. Lời được dẫn trực tiếp là lời nhân vật được tác giả đưa một cách nguyên vẹn trong tác phẩm, không cắt xén hay sửa đổi nhằm đảm bảo giá trị tự nhiên và sinh động của hiện thực.

2.3.2. Sử dụng hình thức hội thoại trực tiếp, nhà văn không chỉ truyền đạt nguyên vẹn nội dung lời của nhân vật mà cả hình thức biểu đạt của chính nhân vật nữa. Chính vì vậy, hội thoại trực tiếp mang tính biểu cảm cao, bởi vì nó có thể bao gồm cả những phương thức biểu cảm: thán từ, hô ngữ, từ tình thái hay trong những trường hợp nhất định nào đó, để đảm bảo tính chân thực của lời nói, có nhiều tác giả còn cố gắng ghi lại cả những nét phương ngữ hay những nét ngôn ngữ cá nhân của người nói. Hội thoại trực tiếp *"bảo đảm được cả bản chất tự nhiên của người phát ngôn và cả nội dung giá trị chân ngụy của lời nói"* [1].

2.3.3. Truyện ngắn *"Tướng về hưu"* của Nguyễn Huy Thiệp cho thấy một tình hình khác: toàn bộ cốt truyện là các đối thoại giữa các nhân vật được tác giả dẫn lại dưới hình thức trực tiếp, thể hiện qua dấu hiệu hình thức: lời thoại được đặt trong dấu ngoặc kép, mang rõ tính chất trích dẫn. Tuy nhiên, trong quá trình đối thoại, các nhân vật đã bỏ qua cách nói vòng vo có tính chất đưa đẩy, rào đón, bỏ qua những quy thức truyền thống về vai vế, tuổi tác (những từ xưng hô, cảm thán, đưa đẩy...) để chỉ trao đổi với nhau bằng những lời nói có tính chất thông báo, liệt kê, đẩy nhanh tới đích đối thoại.

Ví dụ:

(8) *ông Bổng hỏi: "Nhà này ai chủ trì kinh tế". Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bổng bảo: "Đấy là ngày thường. Tao hỏi đám ma này ai chủ trì kinh tế?". Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bổng bảo: "Không được con ơi, khác máu tanh lòng. Tao bảo bố mày nhé". Tôi bảo: "Ông để con". Ông Bổng bảo: "Đưa tao bốn nghìn, mày định làm bao nhiêu mâm?". Tôi bảo "Mười mâm". Ông Bổng bảo: "Không đủ cho đô tuỳ rửa ruột. Mày bàn với vợ mày đi. Bốn mươi mâm".*

Đoạn đối thoại này có sự luân phiên lượt lời với tốc độ nhanh chóng, dồn dập. Nhân vật không giải thích dài dòng, chẳng cần dùng những lời nói hoa mĩ, đao to búa lớn, cũng chẳng cần tuân thủ cách xưng hô theo vị thế, mà chỉ trao đi đáp lại theo kiểu *hỏi* thì *trả lời*, tạo nên bầu không khí căng thẳng, điên đầu, thiếu sợi dây tình cảm. Người đọc có cảm giác tác giả đã "lượm lặt" rất nhanh các lời thoại của nhân vật để đặt chúng cạnh nhau, thể hiện một chủ đề hội thoại.

2.3.4. Điểm nổi bật nhất của ngôn ngữ hội thoại trong "*Tướng về hưu*" là ngắn ngủi, đơn sơ, có khi cộc lốc, thô lỗ. Không khí đối thoại dân chủ, đời thường, suồng sã. Lời được dẫn của các nhân vật giàu kịch tính, chỉ nêu sự vật, sự kiện. Với cách này, tác giả đưa người đọc về với lối kể chuyện của chủ nghĩa hiện thực, thiên về tường thuật, trình bày, thông báo sự kiện, mang màu sắc khách quan.

Xem ví dụ (8) ở trên và ví dụ sau:

(9) *Ông Bổng bảo: "Chị Thuỷ luộc cho tôi con gà, nấu hộ nồi xôi". Vợ tôi hỏi: "Mấy cân gạo hả chú?". Ông Bổng bảo: "Mẹ mày, sao hôm nay cứ ngọt xớt thế? Ba cân!" Vợ tôi bảo: "Họ hàng nhà anh kinh bỏ mẹ".*

2.3.5. Về mặt cấu trúc, lời thoại được dẫn trực tiếp trong truyện ngắn "*Tướng về hưu*" thường là kiểu câu đơn, câu đặc biệt hay câu tỉnh lược.

Ví dụ:

(10) *Vợ tôi bảo: "Ba mươi hai mâm. Anh phục em tính sát không?" Tôi bảo: "Sát".*

(11) *Cái Mi hỏi: "Ông đi ra trận hả ông?" Cha tôi bảo: "ừ". Cái Vi hỏi: "Đường ra trận mùa này đẹp lắm có phải không ông?" Cha tôi chửi: "Mẹ mày! Láo!"*

Lời thoại theo những kiểu cấu trúc này tạo nên sự dồn nén về thông tin nhằm đạt đến sự chính xác, trung thực, gần với ngôn ngữ đời thường. Bằng cách này, Nguyễn Huy Thiệp đã thể hiện dụng ý của mình: càng ở thời hiện đại, con người ngày càng trở nên lạnh lùng, ít nói với nhau hơn. Trong gia đình, mọi người vẫn trò chuyện, vẫn trao đổi, tranh luận với nhau nhưng dường như những đối thoại ấy chỉ vừa đủ để nối sợi dây thông tin thuần tuý còn nhịp cầu tình cảm gần như bị cắt đứt. Quan hệ gần gũi giữa các thế hệ cha – con, vợ- chồng... dường như đã bị đẩy lùi để nhường lại cho những so đo, tính toán thực dụng.

2.3.6. Trong "*Tướng về hưu*", có những đoạn thoại mà tác giả có thể dẫn ra hàng loạt các nhân vật nói chuyện với nhau (tính chất "đa thoại") nhưng không theo một chủ đề nhất định nào cả. Lời thoại đang ở mạch này lại bị ngắt ra, chuyển sang một hướng khác, không đầu, không cuối, thiếu sự gắn bó, liên kết.

Ví dụ:

(12) *Cái Mi và cái Vi trêu: "Chị Lài xinh nhất". Cô Lài cười thỏn thẻn: "Chả phải. Mợ mới xinh nhất". Vợ tôi bảo: "Em đi chú ý đỡ ông những khi tàu xe". Cha tôi bảo: "Hay thôi không đi!" Ông Cơ giãy nảy: "Chết, cháu đã điện rồi. Mang tiếng chết". Cha tôi thở dài: "Tôi có tiếng gì mà mang".*

Đoạn thoại trên có sự góp mặt của sáu nhân vật hội thoại, tuy nhiên nó lại chứa đựng những đề tài khác nhau. Ở cặp thoại đầu tiên: *Chị Lài xinh nhất/ Chả phải. Mợ mới xinh nhất*, vẫn có thể tiếp tục phát triển và nếu có, nó sẽ trở thành đề tài hấp dẫn, gây chú ý nhất đối với các nhân vật hội thoại. Song, tác giả đã cố tình để cho nhân vật của mình chuyển hướng đề tài, làm cho đoạn thoại bị ngắt ra thành nhiều khúc đoạn. Mạch văn bị tản mát, vụn lẻ, không đầu, không đuôi, khiến người đọc có cảm giác bị hẫng hụt, khó chịu. Tuy nhiên, đây cũng là đặc điểm rất gần với hội thoại đời sống.

3. "*Tướng về hưu*" được xây dựng chủ yếu thông qua ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Điều đó có nghĩa là tác giả đã xây dựng nhân vật bằng ngôn ngữ của chính nó. Có thể nói đối thoại của Nguyễn Huy Thiệp lạ cả về cách cấu tạo lẫn cách dẫn, và như vậy, nó vừa có tác dụng tạo cho lời kể chuyện của nhà văn thêm phong phú, vừa có tác dụng làm cho những diễn biến trong truyện được tái hiện một cách

cụ thể, sinh động như ngay trước mắt, giữa đời thường. Cũng bằng cách này, tác giả có thể dùng lời nhân vật để thay mình phát biểu một số quan niệm về cuộc đời, về thực tế xã hội... mà tác giả không trực tiếp nói ra ("*Con ơi, con không hiểu rằng cả tin chính là sức mạnh để sống hả con*" - lời của Thiếu tướng Nguyễn Thuấn với cô Lài; "*Chuyện ấy là thường. Bây giờ làm gì còn có trinh nữ*" – lời của nhân vật Thuỷ; "*Đời người cần không biết bao nhiêu tiền. Chết cũng cần*" – câu nói của Vi, cháu nội của Thiếu tướng Nguyễn Thuấn").

Tài liệu tham khảo

1. Ashe R.e, *The encyclopedia of Languages and Linguistics* (Tài liệu dịch của Gs Đỗ Hữu Châu).

2. Đỗ Hữu Châu (1992), *Ngữ pháp chức năng dưới ánh sáng của dụng học hiện nay*, Ngôn ngữ số 2, 3.

3. Đỗ Hữu Châu (chủ biên) – Cao Xuân Hạo (1995), *Tiếng Việt 12*, Ban KHXH, NXB Giáo dục.

4. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB Giáo dục.

5. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở Ngữ dụng học*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm.

6. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

7. Hoàng Thị Thanh Huyền (2004), *Các hình thức thoại dẫn trong tiểu thuyết "Đại tá không biết đùa"*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.

8. Phạm Xuân Nguyên (chủ biên) (2001), *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*, NXB VH Thông tin

9. Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (2009), *Ngữ văn 9 (tập 1),* NXB Giáo dục.

10. Anh Trúc (tuyển chọn) (2001), *Tuyển tập Nguyễn Huy Thiệp*, NXB Phụ nữ.

11. Mai Thị Hảo Yến (2001), *Hội thoại trong truyện ngắn Nam Cao (Các hình thức thoại dẫn),* Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 02-06-2010)

(**Câu hỏi tu từ**... *tiếp theo trang 41*)

Ta là ai ? và Ta đã làm được gì ? Đó cũng chính là hai câu hỏi mà Chế Lan Viên đã đặt ra từ tập "*Ánh sáng và phù sa*":

Ta là ai ? như ngọn gió siêu hình
Câu hỏi hư vô thổi nghìn nến tắt
Ta vì ai ? Khẽ xoay chiều ngọn bấc
Bàn tay người thắp lại triệu chồi xanh.

[1; 179]

Tuy nhiên, ở tập *Ánh sáng và phù sa*, ngay sau hai câu hỏi, Chế Lan Viên đã tìm được câu trả lời. Nhưng sang tập *Di cảo*, nghĩa là gần đi hết cuộc đời, hai câu hỏi này lại trở lại, thậm chí trở lại liên tiếp, dồn dập nhưng nhà thơ lại không thể trả lời.

4. Trong thơ Chế Lan Viên, dạng CHTT tầng bậc trùng lặp về nội dung hỏi thường là kiểu CHTT tự chất vấn. Nhà thơ đặt ra câu hỏi cho chính mình, và rồi bế tắc khi không thể tìm được câu trả lời. Bởi suy cho cùng, người duy nhất có thể trả lời được những câu hỏi đó là thời gian, là hậu thế, là những người yêu thơ.

Với những CHTT, Chế Lan Viên không chỉ giản đơn là làm sinh động khả năng diễn đạt bằng ngôn từ thi ca, mà còn cho thấy ánh sáng lung linh của trí tuệ - một vẻ đẹp trí tuệ giàu màu sắc phản quang. Và đối với bạn đọc, từ một phương thức diễn đạt là CHTT, đặc biệt là CHTT tầng bậc, đã được hiểu thêm, yêu thêm và đồng cảm với thế giới tâm hồn thơ phong phú, phức tạp, bí ẩn và giàu sắc màu của Chế Lan Viên - một nhà thơ luôn có sức hấp dẫn với bạn đọc.

Tài liệu tham khảo

1. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập* - Tập I - NXB Văn học, H.

2. Chế Lan Viên (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*- Tập II- NXB Văn học, H.

3. D.E.Rosental - M.A.Telenkôva(1972) - *Sổ tay từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học* (tiếng Nga) - NXB Giáo dục Matxcova.

4. Henri Morier (1989), *Từ điển thi pháp học và tu từ học* (Tiếng Pháp) - NXB Đại học Pháp.

5. Katie Wales (1987), *Từ điển phong cách học* (tiếng Anh) - NXB Longman.

6. Nguyễn Thái Hoà (2007), *Tập bài giảng chuyên đề phong cách học* - ĐHSP Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-05-2010)